

Số:

Hà Nội, ngày tháng năm

HƯỚNG DẪN
Tạm thời về trình chiếu tài liệu, chứng cứ
tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15, Luật số 99/2025/QH15, Luật số 103/2025/QH15, Luật số 105/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15, Luật số 128/2025/QH15;

- Thông tư liên tịch số 04/2026/TTLT-BCA-BQP-VKSNDTC-TANDTC ngày 15/5/2026 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết thi hành khoản 5 Điều 131, khoản 3 Điều 132, Điều 141 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 10/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số trong hoạt động tố tụng hình sự và thi hành án hình sự”;

- Quy chế công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-VKSTC ngày 23/3/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

- Quy chế công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ-VKSTC ngày 05/5/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

- Quy định tạm thời về quản lý, sử dụng nền tảng Quản lý án hình sự ngành Kiểm sát nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 157/QĐ-VKSTC ngày 01/6/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSND).

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Hướng dẫn này quy định về nguyên tắc, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và trách nhiệm phối hợp trong việc trình chiếu tài liệu, chứng cứ bằng phương tiện điện tử tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm các vụ án hình sự.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Hướng dẫn này áp dụng đối với VKSND tỉnh, thành phố được lựa chọn thí điểm gồm: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Bắc Ninh và Lai Châu.

Đối với các đơn vị thuộc VKSND tối cao, VKSND các tỉnh, thành phố không được lựa chọn thí điểm thì tùy theo điều kiện kỹ thuật và thực tiễn công tác có thể nghiên cứu, vận dụng thực hiện Hướng dẫn này.

2.2. Viện trưởng, Phó Viện trưởng; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng; Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức được giao giúp việc cho Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự.

3. Nguyên tắc thực hiện việc trình chiếu

Trình chiếu tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

- a) Tính hợp pháp: Trình chiếu đúng trình tự, thủ tục tố tụng và tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa phiên tòa;
- b) Tính khách quan, chính xác: Bảo đảm phản ánh đúng, đầy đủ nội dung tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nghiêm cấm mọi hành vi cắt xén, chỉnh sửa, thêm bớt hoặc làm sai lệch nội dung tài liệu, chứng cứ;
- c) Bảo đảm quyền tố tụng: Bảo đảm quyền tranh tụng, quyền tiếp cận chứng cứ của bị cáo, bị hại, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác theo quy định pháp luật;
- d) Tính hỗ trợ: Việc trình chiếu nhằm làm rõ, tăng tính thuyết phục cho hoạt động xét hỏi, tranh luận của Kiểm sát viên; không thay thế hoạt động xét hỏi, tranh luận và không cản trở quyền của những người tham gia tố tụng.

III. ĐIỀU KIỆN, PHẠM VI VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP TRÌNH CHIẾU

1. Tài liệu, chứng cứ trình chiếu

Tài liệu, chứng cứ trình chiếu tại phiên tòa là tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, có trong hồ sơ vụ án, đã được ký số hoặc số hóa theo quy định, bao gồm:

- a) Vật chứng;
- b) Lời khai, lời trình bày;
- c) Dữ liệu điện tử;
- d) Kết luận giám định, định giá tài sản;
- đ) Biên bản trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử;
- e) Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác;
- g) Các tài liệu, đồ vật khác.

2. Các trường hợp trình chiếu

Kiểm sát viên thực hiện trình chiếu tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Vụ án có tính chất phức tạp hoặc tài liệu, chứng cứ mâu thuẫn cần làm rõ;
- b) Bị can, bị cáo không nhận tội hoặc lúc nhận tội lúc không nhận tội;
- c) Có khiếu nại, tố cáo về hoạt động tố tụng trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử;
- d) Theo đề nghị của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa;
- đ) Các trường hợp khác khi xét thấy cần thiết.

Việc trình chiếu tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa được Kiểm sát viên ghi nhận lại vào bút ký phiên tòa.

3. Thời điểm, nội dung trình chiếu

3.1. Trình chiếu tài liệu, chứng cứ được thực hiện trong quá trình Kiểm sát viên tiến hành kiểm sát thủ tục bắt đầu phiên tòa, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa.

Tùy theo tình hình, diễn biến cụ thể tại phiên tòa, Kiểm sát viên kết hợp giữa hoạt động tố tụng với việc trình chiếu tài liệu, chứng cứ để bảo đảm phù hợp, hiệu quả và thuyết phục.

3.2. Nội dung trình chiếu là các tài liệu, chứng cứ nêu tại mục 1 phần III nêu trên; Kiểm sát viên thực hiện trình chiếu toàn bộ hoặc nội dung chính có liên quan cần làm rõ.

4. Công bố và trình chiếu lời khai, lời trình bày

4.1. Kiểm sát viên công bố và kết hợp với trình chiếu lời khai, lời trình bày trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử khi thuộc một trong các trường hợp:

- a) Lời khai, lời trình bày của người được xét hỏi tại phiên tòa mâu thuẫn với lời khai, lời trình bày của họ hoặc người tham gia tố tụng khác trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử;
- b) Người được xét hỏi không khai tại phiên tòa hoặc không nhớ những lời khai, lời trình bày của mình trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử;
- c) Người được xét hỏi đề nghị công bố lời khai, lời trình bày của họ trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử;
- d) Người được xét hỏi vắng mặt hoặc đã chết.

4.2. Trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người dưới 18 tuổi, giữ bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật đời tư của cá nhân, bí mật gia đình theo yêu cầu chính đáng của người tham gia tố tụng hoặc khi xét thấy cần thiết thì không công bố, không trình chiếu tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

5. Trình chiếu dữ liệu điện tử

Đối với dữ liệu điện tử là hình ảnh, video, dữ liệu camera giám sát, dữ liệu từ thiết bị điện tử, dữ liệu định vị, dữ liệu giám sát hành trình và các dạng dữ liệu điện tử khác được thu thập, kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự có trong hồ sơ vụ án, được trình chiếu công khai tại phiên tòa khi xét thấy cần thiết để làm rõ các nội dung có liên quan của vụ án.

6. Trình chiếu vật chứng, tài liệu, chứng cứ khác

Vật chứng, kết luận giám định, định giá tài sản, biên bản trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác và các tài liệu, đồ vật khác được số hóa hoặc ký số trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử được Kiểm sát viên trình chiếu tại phiên tòa khi thuộc một trong các trường hợp tại mục 2 nêu trên.

7. Giải quyết trường hợp có đề nghị, khiếu nại

Trường hợp bị cáo, người bào chữa, bị hại hoặc người tham gia tố tụng khác có ý kiến đề nghị, khiếu nại về nguồn gốc, tính chính xác, tính đầy đủ hoặc tính toàn vẹn của tài liệu, chứng cứ đang trình chiếu thì Kiểm sát viên giải thích, làm rõ, trường hợp cần thiết thì đề nghị Thẩm phán chủ tọa phiên tòa xem xét, đối chiếu với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quyết định.

8. Trách nhiệm, phân công thực hiện việc trình chiếu

8.1. Kiểm sát viên quyết định và chịu trách nhiệm về việc trình chiếu tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa. Đối với vụ án đặc biệt phức tạp, vụ án có nhiều tài liệu, chứng cứ cần trình chiếu, Kiểm sát viên được phân công thụ lý chính phải xây dựng phương án trình chiếu trước khi mở phiên tòa, báo cáo lãnh đạo xem xét, quyết định.

8.2. Kiểm sát viên chủ động trao đổi với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa để chuẩn bị phương tiện kỹ thuật, phối hợp việc trình chiếu tài liệu, chứng cứ khi xét thấy cần thiết.

8.3. Kiểm sát viên có thể tự mình hoặc phân công Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức giúp việc, thao tác về kỹ thuật thực hiện việc trình chiếu tài liệu, chứng cứ theo chỉ đạo của Kiểm sát viên.

Trường hợp vụ án có nhiều Kiểm sát viên thì Kiểm sát viên thụ lý chính chỉ đạo, phân công cụ thể việc trình chiếu tài liệu, chứng cứ.

8.4. Lãnh đạo VKSND các cấp trao đổi, phối hợp với lãnh đạo Tòa án nhân dân cùng cấp để thống nhất chỉ đạo Kiểm sát viên, Thẩm phán phối hợp thực hiện việc trình chiếu tài liệu, chứng cứ trong trường hợp cần thiết.

9. Yêu cầu kỹ thuật, trang thiết bị và phần mềm hỗ trợ trình chiếu

Trình chiếu tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa được thực hiện khi đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị và phần mềm như sau:

a) Tài liệu, chứng cứ phục vụ việc trình chiếu công khai tại phiên tòa phải là tài liệu, chứng cứ được ký số hoặc số hóa, dữ liệu điện tử đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo Hướng dẫn tạm thời số 15/HD-VKSTC ngày 09/7/2026 của Viện trưởng VKSND tối cao về lập, quản lý, khai thác, lưu trữ hồ sơ kiểm sát điện tử;

b) Thiết bị phục vụ việc trình chiếu tại phiên tòa là máy tính xách tay công vụ được cấp theo quy định và đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin; đối với thiết bị ngoại vi như màn hình, máy chiếu, âm thanh có thể sử dụng thiết bị do Tòa án nhân dân lắp đặt tại phòng xử án;

c) Các đơn vị, Kiểm sát viên thống nhất sử dụng phần mềm hỗ trợ trình chiếu tài liệu, chứng cứ do VKSND tối cao xây dựng;

d) Trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật khách quan không thể tiếp tục trình chiếu, Kiểm sát viên chủ động phối hợp với Hội đồng xét xử chuyển sang hình thức công bố tài liệu, chứng cứ theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Viện trưởng VKSND các tỉnh, thành phố được lựa chọn thí điểm chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc, thực chất, hiệu quả các nội dung theo Hướng dẫn này.

2. Giao Cục Thống kê tội phạm và chuyển đổi số chủ trì, phối hợp với Vụ Công tố và Kiểm sát xét xử hình sự và các đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Hướng dẫn này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề cần phải sửa đổi, bổ sung thì kịp thời báo cáo VKSND tối cao (qua Cục Thống kê tội phạm và chuyển đổi số) để đề xuất Viện trưởng VKSND tối cao xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Đ/c Nguyễn Huy Tiến,
Viện trưởng VKSND tối cao (để b/c);
- Các đ/c Phó Viện trưởng VKSND tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao (để p/h);
- Các đơn vị thuộc VKSND tối cao;
- VKSND các tỉnh, thành phố;
- Cục 2: - Cục trưởng, các PCT,
- Các đơn vị thuộc Cục;
- Lưu: VT, C2.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Thái